

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG HỢP

QUÝ 3 NĂM 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.811.120.141.655	1.702.660.813.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.515.266.107	63.529.729.130
1. Tiền	111	1	29.515.266.107	63.529.729.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.186.368.508.923	1.169.266.795.776
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	637.171.931.345	655.815.639.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	168.041.641.529	144.836.411.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	145.300.000.000	197.660.905.630
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	253.478.704.184	281.888.227.120
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(18.239.825.362)	(111.462.684.968)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		616.057.227	528.296.215
IV. Hàng hoá tồn kho	140	8	553.756.021.020	435.239.351.145
1. Hàng hoá tồn kho	141		575.484.750.672	457.199.357.448
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.728.729.652)	(21.960.006.303)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.480.345.605	34.624.937.594
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.616.414.117	1.364.108.675
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.074.897.957	33.045.825.965
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	17	789.033.531	215.002.954
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.276.862.738.796	2.046.275.491.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		441.650.594.735	409.726.487.027
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	6.564.000.000	6.780.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	435.086.594.735	402.946.487.027
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		831.814.259.532	759.369.304.703
1. TSCĐ hữu hình	221	10	828.372.603.328	723.545.054.427
- Nguyên giá	222		1.359.088.905.849	1.187.418.520.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(530.716.302.521)	(463.873.465.970)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	11	3.441.656.204	35.824.250.276
- Nguyên giá	225		5.634.308.358	47.123.451.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.192.652.154)	(11.299.201.604)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. TSCĐ vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		158.000.000	158.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.000.000)	(158.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	13.510.943.241	13.872.843.510
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(965.067.384)	(603.167.115)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	286.377.773.263	160.330.109.627
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		286.377.773.263	160.330.109.627
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2	680.184.798.634	698.731.658.408
1. Đầu tư vào công ty con	251		289.250.739.353	312.781.059.444
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		330.336.033.368	347.322.587.354
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		117.948.165.199	117.948.165.199
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(57.350.139.286)	(79.320.153.589)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.324.369.391	4.245.088.131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	23.324.369.391	4.245.088.131
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.087.982.880.451	3.748.936.305.051
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.777.863.417.211	2.433.401.387.975
I. Nợ ngắn hạn	310		1.468.969.790.300	1.205.789.350.500
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	360.250.313.617	369.035.042.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	28.558.125.146	30.611.810.843
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	17	8.044.155.567	8.617.801.633
4. Phải trả cho người lao động	314	18	35.111.709.769	83.917.942.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.085.955.225	1.613.888.665
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiến độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		263.142.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	40.362.947.799	23.890.421.778
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	980.708.950.859	685.921.831.324
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.584.490.318	2.180.611.318
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.308.893.626.911	1.227.612.037.475
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		27.627.792.505	14.208.579.002
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	25.326.000.000	6.826.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.255.939.834.406	1.206.577.458.473
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.310.119.463.240	1.315.534.917.076
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.310.119.463.240	1.315.534.917.076
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		312.634.705.568	293.991.397.568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		231.610.671.671	255.669.433.507
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		78.717.223.707	22.628.084.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		152.893.447.964	233.041.348.746
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.087.982.880.451	3.748.936.305.051

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 3		Lũy kế đến quý báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4	3	4
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	780.667.527.392	765.972.417.622	2.068.599.243.279	2.155.811.413.153
2 - Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	50.456.775
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.2	780.667.527.392	765.972.417.622	2.068.599.243.279	2.155.760.956.378
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	736.105.273.983	675.290.126.522	1.903.291.627.189	1.878.198.956.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		44.562.253.409	90.682.291.100	165.307.616.090	277.561.999.414
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	83.655.180.691	36.183.027.566	191.209.361.344	84.846.755.250
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	14.431.069.755	18.664.623.274	62.248.453.367	62.017.412.693
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		19.167.753.941	18.044.166.389	57.165.078.622	57.645.406.922
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	21.566.047.119	20.976.784.111	56.299.244.907	60.849.188.029
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.199.330.594	29.447.144.172	69.408.877.533	75.405.308.027
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		72.020.986.632	57.776.767.109	168.560.401.627	164.136.845.915
11. Thu nhập khác	31	VI.8	20.205.984	294.427.052	2.944.077.224	4.216.911.224
12. Chi phí khác	32	VI.9	400.262.678	7.543.069.389	18.312.364.220	7.583.685.447
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(380.056.694)	(7.248.642.337)	(15.368.286.996)	(3.366.774.223)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		71.640.929.938	50.528.124.772	153.192.114.631	160.770.071.692
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		71.640.929.938	50.528.124.772	153.192.114.631	160.770.071.692
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
 TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q3/2017	Q3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
						Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		661.744.793.775	646.897.297.226	2.030.424.416.711	2.167.410.269.993
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(754.808.644.446)	(644.137.484.596)	(2.055.563.142.604)	(1.887.060.129.003)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(56.358.810.836)	(43.460.766.607)	(188.505.300.413)	(168.196.939.349)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(8.875.493.671)	(9.186.665.036)	(45.855.431.678)	(65.162.991.462)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-	-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.996.280.333	11.772.989.388	50.770.606.469	68.386.269.867
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.317.821.704)	(9.172.586.500)	(51.666.459.661)	(76.846.731.525)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(136.619.696.549)	(47.287.216.125)	(260.395.311.176)	38.529.748.521
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(54.355.864.380)	(64.540.616.910)	(245.701.322.903)	(109.471.668.327)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.784.392.000	863.440.000	7.568.784.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	(5.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.359.803.084	-	17.967.803.084	13.293.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.430.122.551)	(72.876.132.500)	(26.159.548.200)	(72.876.132.500)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		34.700.000.000	89.209.640.000	34.700.000.000	145.209.640.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		78.135.777.077	37.480.217.963	249.453.602.076	247.021.282.653
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46.409.593.230	(6.942.499.447)	26.123.974.057	230.744.905.826
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		769.187.011.727	664.372.105.060	2.121.573.592.462	2.078.454.918.797
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(614.763.460.315)	(570.561.126.321)	(1.782.847.047.109)	(2.258.119.198.565)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49.411.139.863)	(4.831.737.954)	(138.647.938.213)	(99.889.798.539)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		105.012.411.549	88.979.240.785	200.078.607.140	(279.554.078.307)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.802.308.230	34.749.525.213	(34.192.729.979)	(10.279.423.960)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	14.534.690.921	48.506.900.987	63.529.729.130	93.849.745.916
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		178.266.956	83.425.068	178.266.956	(230.470.688)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	29.515.266.107	83.339.851.268	29.515.266.107	83.339.851.268

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán bông, xơ, sợi dệt, hàng may mặc;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có chương trình phần mềm

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.744.388.073	1.152.861.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.770.878.034	62.376.868.062
Cộng	29.515.266.107	63.529.729.130

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	289.250.739.353	(19.098.000.000)	312.781.059.444	(40.060.782.459)
Công ty cổ phần dệt Đồng Nam	42.872.026.710	-	42.872.026.710	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	121.530.712.643	-	121.530.712.643	-
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	-	23.530.320.091	(23.530.320.091)
Công ty TNHH Linen Supply Services	19.098.000.000	(19.098.000.000)	19.098.000.000	(16.530.462.368)
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	105.750.000.000	-	105.750.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	330.336.033.368	(29.378.023.177)	347.322.587.354	(35.349.293.272)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	-	50.632.741.945	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	-	-	12.171.270.094	(971.270.095)
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	-	6.615.800.129	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(25.655.700.608)	144.586.200.608	(25.655.700.608)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(873.202.569)	7.299.200.000	(873.202.569)
Công ty cổ phần may Gia Phúc	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân	18.994.120.000	(2.849.120.000)	18.994.120.000	(2.849.120.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	117.948.165.199	(8.874.116.109)	117.948.165.199	(3.910.077.858)
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.072.915.465)	5.852.355.319	(412.689.373)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may VN	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(707.891.473)	2.984.184.383	(340.239.134)
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	14.093.555.469	-	14.093.555.469	-
Cộng	737.534.937.920	(57.350.139.286)	778.051.811.997	(79.320.153.589)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	79.320.153.589
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(29.565.430.365)
Trích bổ sung	7.595.416.062
Số cuối năm/kỳ	57.350.139.286

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	279.728.446.320	372.279.265.307
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	45.984.313.851
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	66.185.453.220	71.239.135.962
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	68.281.779.056	67.867.351.724
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	1.666.832.280	38.981.604.810
Công ty cổ phần dệt may Đông Nam	-	217.250.875
Công ty TNHH Coast Phong Phú	82.713.928.577	83.849.547.695
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại Phong Phú	13.850.263.341	10.266.070.298
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	44.758.570.071	48.092.908.649
Công ty TNHH Linen Supply Services	2.271.619.775	3.001.411.260
Công ty cổ phần may Gia Phúc	-	2.779.670.183
Phải thu các khách hàng khác	357.443.485.025	283.536.374.622
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	-	77.737.998.287
Các khách hàng khác	357.443.485.025	205.798.376.335
Cộng	637.171.931.345	655.815.639.929

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>90.608.914.736</i>	<i>90.608.914.736</i>
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	88.000.000.000	88.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>77.432.726.793</i>	<i>54.227.497.114</i>
Công ty Dệt Hà Nam	23.000.000.000	
Các nhà cung cấp khác	54.432.726.793	54.227.497.114
Cộng	<u>168.041.641.529</u>	<u>144.836.411.850</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>145.300.000.000</i>	<i>191.160.905.630</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	67.800.000.000	68.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Deawon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần dệt Đồng Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	45360.905.630
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>-</i>	<i>6.500.000.000</i>
Cộng	<u>145.300.000.000</u>	<u>197.660.905.630</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>6.564.000.000</i>	<i>6.780.000.000</i>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	1.764.000.000	1.980.000.000
Cộng	<u>6.564.000.000</u>	<u>6.780.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>173.257.741.905</i>	<i>(7.649.146.264)</i>	<i>193.111.852.107</i>	<i>(7.649.146.264)</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang – Tiền lãi vay	3.843.454.680	-	2.022.124.792	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang – Tiền cổ tức	9.614.375.000			
Công ty cổ phần Xúc tiến thương mại và Đầu tư Phong Phú - Cổ tức được chia			184.716.108	
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Lợi nhuận được chia	11.000.000.000	-	74.600.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú – Lợi nhuận hợp tác	84.619.188.890	-	71.823.494.446	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
dự án Đồng Mai				
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi vay	23.130.588.886	(7.192.390.137)	18.408.826.385	(7.192.390.137)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	15.918.588.440		6.988.025.086	
Công ty cổ phần dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	24.025.241.551	-	18.162.256.666	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	1.106.304.458	(456.756.127)	922.408.624	(456.756.127)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	80.220.962.279	(4.542.551.090)	88.776.375.013	(4.542.551.090)
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	38.155.996.716	-	43.655.996.716	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	42.064.965.563	(4.542.551.090)	45.120.378.297	(4.542.551.090)
Cộng	253.478.704.184	(12.191.697.354)	281.888.227.120	(12.191.697.354)

6b. Phải thu dài hạn khác

(Số cuối quý)	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	434.257.522.603	-	401.868.488.835	-
- Dự án khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Dự án khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9	127.243.931.844	-	113.285.020.627	-
- Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	-	25.102.773.208	-
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	-	13.480.695.000	-
Ký quỹ dài hạn	829.072.132	-	1.077.998.192	-
Cộng	435.086.594.735	-	402.946.487.027	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	<i>18.599.868.503</i>	<i>7.721.869.110</i>	<i>109.945.087.984</i>	<i>7.721.869.110</i>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	-	91.345.219.481	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	16.233.232.949	6.629.034.440	16.233.232.949	6.629.034.440
Công ty TNHH Linen Supply	1.690.768.596	873.723.839	1.690.768.596	873.723.839
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	675.866.958	219.110.831	675.866.958	219.110.831
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.350.072.640</i>	<i>988.246.671</i>	<i>10.637.605.785</i>	<i>1.398.139.691</i>
Cộng	26.949.941.143	8.710.115.781	120.582.693.769	9.120.008.801

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	111.462.684.968
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	(93.222.859.606)
Số cuối quý	18.239.825.362

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	91.313.732.605	(5.951.966.990)	51.137.583.628	(5.951.966.990)
Công cụ, dụng cụ	-	-	8.672.369	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	299.682.255.443	-	255.465.229.725	-
Thành phẩm	167.076.244.398	(15.776.762.662)	132.372.405.412	(15.994.426.236)
Hàng hóa	-	-	25.568.663	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	17.412.518.226	-	18.189.897.651	-
Cộng	575.484.750.672	(21.728.729.652)	457.199.357.448	(21.960.006.303)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	21.960.006.303
Hoàn nhập dự phòng	(231.276.651)
Số cuối quý	21.728.729.652

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	320.772.731	
Chi phí sửa chữa	688.464.350	341.908.675
Công cụ, dụng cụ, vật tư sản xuất	811.921.060	
Chi phí thuê	1.695.693.127	1.022.200.000
Chi phí khác	99.562.849	
Cộng	3.616.414.117	1.364.108.675

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	12.574.418.876	
Công cụ, dụng cụ	6.089.834.359	1.866.588.131
Chi phí thuê	3.896.000.000	2.378.500.000
Chi phí khác	764.116.156	
Cộng	23.324.369.391	4.245.088.131

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	251.160.887.134	908.317.874.775	25.338.686.345	2.601.072.143	1.187.418.520.397
Mua trong năm		1.648.251.935	-	1.344.835.000	2.993.086.935
Đầu tư XDCB hoàn thành	28.056.278.380	114.991.622.518			143.047.900.898
Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		41.489.143.522			41.489.143.522
Thanh lý, nhượng bán		(15.859.745.903)			(15.859.745.903)
Giảm khác (*)					-
Số cuối quý	279.217.165.514	1.050.587.146.847	25.338.686.345	3.945.907.143	1.359.088.905.849
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	95.127.200.027	349.155.324.936	17.246.705.997	2.344.235.010	463.873.465.970
Khấu hao trong năm	6.894.126.221	61.914.816.360	2.022.905.357	211.409.982	71.043.257.920
Thanh lý, nhượng bán		(14.512.642.112)			(14.512.642.112)
Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		10.312.220.743			10.312.220.743
Số cuối quý	102.021.326.248	406.869.719.927	19.269.611.354	2.555.644.992	530.716.302.521
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	156.033.687.107	559.162.549.839	8.091.980.348	256.837.133	723.545.054.427
Số cuối quý	177.195.839.266	643.717.426.920	6.069.074.991	1.390.262.151	828.372.603.328

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	47.123.451.880	11.299.201.604	35.824.250.276
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm		1.205.671.293	
Giảm do chuyển sang TSCĐ hữu hình	(41.489.143.522)	(10.312.220.743)	
Số cuối quý	5.634.308.358	2.192.652.154	3.441.656.204

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	158.000.000	158.000.000	
Khấu hao trong năm			
Số cuối quý	158.000.000	158.000.000	-

13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.476.010.625	603.167.115	13.872.843.510
Khấu hao trong năm		361.900.269	
Số cuối quý	14.476.010.625	965.067.384	13.510.943.241

Bất động sản đầu tư là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.545.260.359	5.829.043.039
Xây dựng cơ bản dở dang	284.832.512.904	149.087.285.572
Sửa chữa văn phòng		5.413.781.016
Cộng	286.377.773.263	160.330.109.627

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>275.477.417.123</i>	<i>239.613.404.132</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	177.902.808.333	125.576.720.072
Công ty cổ phần XTTM và ĐT Phong Phú	702.228.797	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	30.893.778.811	32.876.284.653
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	65.978.601.182	81.160.399.407
Phải trả các nhà cung cấp	84.772.896.494	129.421.638.548
Công ty TNHH SXTM Thành Vinh	-	38.541.830.000
Các nhà cung cấp khác	84.772.896.494	90.879.808.548
Cộng	360.250.313.617	369.035.042.680

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.730.170.838</i>	<i>11.178.817.236</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	1.730.170.838	11.178.817.236
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>26.827.954.308</i>	<i>19.432.993.607</i>
Cty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Galadari, Bldg, Smitline Building Materials, Trading Llc	9.917.880.240	
Các khách hàng khác	6.947.496.168	9.470.415.707
Cộng	28.558.125.146	30.611.810.843

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	70.507.941	-	135.017.212	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	53.929.144	-	7.233.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	735.104.387	-	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	879.381.546	-	6.609.100.330	-
Thuế tài nguyên	27.129.239	-	25.199.999	-
Tiền thuê đất	7.067.136.841	-	1.848.484.092	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	8.044.155.567	789.033.531	8.617.801.633	215.002.954

18. Phải trả người lao động

Số dư cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	2.012.631.422	1.483.888.665
Chi phí lãi vay	2.078.584.558	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.994.739.245	130.000.000
Cộng	6.085.955.225	1.613.888.665

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm	
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.035.875.198</i>	<i>- 7.1</i>	<i>7.106.444.570</i>
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	6.035.875.198	-	2.106.444.570
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	-	5.000.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>29.327.072.601</i>	<i>-</i>	<i>16.783.977.208</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm	3.655.468.699	-	25.749.955
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.109.584.275	-	963.092.165
Lãi vay phải trả	22.675.049.648	-	14.885.491.314
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.886.969.979	-	909.643.774
Cộng	40.362.947.799	-	23.890.421.778

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>25.326.000.000</i>	<i>6.826.000.000</i>
Cty CP đầu tư Phước Long - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Cty TNHH Xây dựng Phong Đức - Nhận góp vốn dài hạn	18.500.000.000	-
Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Cộng	25.326.000.000	6.826.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	6.500.000.000
<i>Vay Tập đoàn dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾</i>		6.500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	980.708.950.859	679.421.831.324
Vay ngắn hạn ngân hàng	980.446.528.059	674.592.102.070
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM</i>	191.989.922.951	155.694.076.455
<i>Vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC</i>	201.185.649.907	119.920.639.612
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	73.120.561.033	186.329.105.813
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	382.125.310.780	121.419.253.414
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam</i>	35.316.318.467	36.023.596.917
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín</i>	-	4.721.670.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội</i>	96.708.764.921	50.483.759.859
Vay dài hạn đến hạn	262.422.800	3.205.782.224
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		1.623.947.030
Cộng	980.708.950.859	685.921.831.324

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.255.939.834.406	1.206.577.458.473
- Vay dài hạn ngân hàng	158.933.707.300	120.511.978.618
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾</i>		18.293.351.566
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)</i>	155.188.709.839	94.818.004.668
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	3.744.997.461	
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín ^(viii)</i>		1.954.689.264
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ^(viii)</i>		5.445.933.120
- Vay dài hạn các tổ chức khác(x)	628.446.278.155	623.524.758.708
<i>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</i>	526.114.680.075	521.193.160.628
<i>Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi</i>	32.000.000.000	32.000.000.000
<i>Onshine Investment Limited</i>	70.331.598.080	70.331.598.080
- Vay dài hạn các cá nhân(x)	154.103.198.001	145.224.759.054

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác</i>	<i>154.103.198.001</i>	<i>145.224.759.054</i>
- Nợ thuê tài chính	456.650.950	3.315.962.093
<i>Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính</i> <i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt</i> <i>Nam</i>		2.858.709.230
<i>Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt</i> <i>Nam</i>	456.650.950	457.252.863
- Trái phiếu thường dài hạn ^(xi)	314.000.000.000	314.000.000.000
Cộng	<u>1.255.939.834.406</u>	<u>1.206.577.458.473</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	L/N sau thuế chưa PP	Cộng
1. Số dư đầu kỳ	733.505.810.000	32.368.276.001	293.991.397.568	255.669.433.507	1.315.534.917.076
2. Tăng trong kỳ	-	-	18.643.308.000	153.192.114.631	171.835.422.631
Tăng từ kết quả kinh doanh			18.643.308.000,00	153.192.114.631	171.835.422.631
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	177.250.876.467	177.250.876.467
Phân phối lợi nhuận năm 2016 :				176.952.209.800	176.952.209.800
Trong đó :					
+ <i>Phân phối quỹ tại TCT</i>				44.921.164.000	44.921.164.000
+ <i>Thù lao HĐQT</i>					-
+ <i>Chia cổ tức năm 2016</i>				132.031.045.800	132.031.045.800
Phân phối lợi nhuận năm 2017 :					
+ <i>Tạm phân phối quỹ tại TCT</i>				298.666.667	298.666.667
+ <i>Thù lao HĐQT+BKS</i>					-
Giảm do phân phối lại LN				298.666.667	298.666.667
Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	733.505.810.000	32.368.276.001	312.634.705.568	231.610.671.671	1.310.119.463.240

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
Cộng	<u>733.505.810.000</u>	<u>733.505.810.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Doanh thu bán hàng hóa	881.354.187.970	870.278.238.085
Doanh thu bán các thành phẩm	1.119.698.641.612	1.172.053.339.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.629.587.697	97.444.664.130
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	15.111.534.748
Doanh thu trường mầm non	916.826.000	923.637.000
Cộng	<u>2.068.599.243.279</u>	<u>2.155.811.413.153</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Hàng bán bị trả lại		50.456.775
Giảm giá hàng bán	□	
Cộng	<u>-</u>	<u>50.456.775</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	868.009.215.399	830.662.839.246
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	969.478.857.337	982.383.377.181
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	65.272.337.763	47.244.321.163
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	14.044.382.309
Giá vốn mầm non	762.493.341	678.079.465
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.276.651)	3.185.957.600
Cộng	<u>1.903.291.627.189</u>	<u>1.878.198.956.964</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	95.733.114	184.386.023
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư tài chính	-	241.800.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	187.078.664.428	78.528.526.243
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	434.456.910	3.163.853.194
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.491.645.076	2.602.453.308
Doanh thu tài chính khác	108.861.816	125.736.482
Cộng	<u>191.209.361.344</u>	<u>84.846.755.250</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Chi phí lãi vay	57.165.078.622	57.645.406.922
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.050.863.785	3.348.469.421
Lỗi chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập) /trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	1.500.051.299	5.009.878.346
	1.560.305.788	(3.986.558.297)
Chi phí tài chính khác	972.153.873	216.301
Cộng	<u>62.248.453.367</u>	<u>62.017.412.693</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	13.367.036.264	14.526.872.239
Chi phí vật liệu, bao bì	103.891.467	200.171.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.348.449	65.348.460
Chi phí vận chuyển	11.150.630.927	13.017.322.976
Chi phí khác	31.612.337.800	33.039.472.972
Cộng	<u>56.299.244.907</u>	<u>60.849.188.029</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Chi phí nhân viên	27.168.969.377	30.948.385.025
Chi phí nguyên vật liệu	4.373.873.145	3.420.016.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.406.347.562	1.500.070.764
Thuế, phí và lệ phí	4.864.276.234	3.218.963.117
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.229.228.692)	1.582.106.761
Chi phí khác	37.824.639.907	34.735.766.067
Cộng	<u>69.408.877.533</u>	<u>75.405.308.027</u>

8. Thu nhập khác

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.891.996.208	3.636.047.703
Thu bồi thường tiền hàng	-	455.153.386
Thu nhập khác	52.081.016	125.710.135
Cộng	<u>2.944.077.224</u>	<u>4.216.911.224</u>

9. Chi phí khác

	<u>9 tháng năm 2017</u>	<u>9 tháng năm 2016</u>
Lỗi thanh lý tài sản cố định	-	117.126.113
Tiền thuê đất nộp bổ sung	15.954.792.399	22.340.000
Chi phí khác	2.357.571.821	7.444.219.334
Cộng	<u>18.312.364.220</u>	<u>7.583.685.447</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

